

Biểu mẫu 10

UBND HUYỆN THỦY NGUYÊN
TRƯỜNG THCS NGŨ LÃO

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở Ngũ Lão
Năm học 2021 - 2022**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	822	249	217	179	177
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	768/822 93,4%	235/249 94,4%	198/217 91,2%	170/179 95%	165/177 93,2%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	54/822 6,6%	14/249 5,6%	19/217 8,8%	9/179 5%	12/177 6,8%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực					
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	301/822 36,6%	67/149 26,9%	89/217 41%	78/179 43,6%	67/177 37,9%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	319/822 38,8%	105/249 42,2%	80/217 36,9%	71/179 39,7%	63/177 35,6%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	194/822 23,6%	75/249 30,1%	46/217 21,2%	26/179 14,5%	47/177 26,6%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	8/822 0,97%	2/249 0,8%	2/217 0,9%	4/179 2,2%	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	99,03% (lên thẳng)	99,2% (lên thẳng)	99,1% (lên thẳng)	97,8% (lên thẳng)	100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	301/822 36,6%	67/249 27%	89/217 41%	78/179 43,6%	67/177 37,9%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	214/822 26%	0	80/217 36,9%	71/179 39,7%	63/177 35,6%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	8/822 0,97%	2/249 0,8%	2/217 0,9%	4/179 2,2%	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	16	6	5	3	2
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	Tổng số giải	Nhất	Nhì	Ba	KK

1	Cấp huyện	13	0	3	6	4
2	Cấp tỉnh/thành phố					
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	177				177
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	177				177
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	67/177 37,9%				67/177 37,9%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	63/177 35,6%				63/177 35,6%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	47/177 26,5%				47/177 26,5%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	411/411	131/118	106/111	88/91	86/91
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0

Ngũ Lão, ngày 28 tháng 9 năm 2022
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Vũ Bá Hoài